TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22- 01 - 2025
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Long

2. Bà Huỳnh Thúy Liễu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Thị Quỳnh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Minh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 821/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị Mỹ H, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp ĐP, xã ĐM, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Lâm Quang S, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Ấp ĐP, xã ĐM, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

Nơi ở hiện tại: Ấp TBA, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Mai Thị Mỹ H trình bày: Bà và ông Lâm Quang S chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2008. Vợ chồng bà có 02 người con chung tên Lâm Thế V, sinh ngày 19/8/2019 và Lâm Thị Thu N, sinh ngày 28/5/2008. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà đi làm xa từ năm 2021 và không sống cùng ông S cho

đến nay. Hiện nay ông S đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp TBA, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Hàng ngày ông S cũng đi làm nhưng bà không biết rõ nơi làm việc của ông S. Bà và ông S không còn tình cảm yêu thương nhau, không còn quan tâm lẫn nhau và bà không mong muốn quay về đoàn tụ với ông S. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S. Hiện nay cháu N đang sống cùng bà nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Cháu V đang sống cùng ông S nên bà tự nguyện giao cháu V cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng. Bà và ông S không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Quang S trình bày: Ông và bà Mai Thị Mỹ H chung sống có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng ông có 02 người con chung tên Lâm Thế V, sinh ngày 19/8/2019 và Lâm Thị Thu N, sinh ngày 28/5/2008. Cuộc sống vợ chồng ông bình thường, không biết lý do gì bà H bỏ nhà ra đi. Ông không đồng ý ly hôn. Về con chung, hiện nay cháu V đang sống cùng ông, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Mỹ H đối với ông Lâm Quang S; Về con chung, giao cháu Lâm Thị Thu N, sinh ngày 28/5/2008 cho bà H nuôi dưỡng; giao cháu Lâm Thế V, sinh ngày 19/8/2019 cho ông S nuôi dưỡng; Không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Mai Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lâm Quang S có địa chỉ thường trú tại ấp ĐP, xã ĐM, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Mỹ H và ông Lâm Quang S chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa bà H và ông S là tự nguyện và hợp pháp. Bà H xác định vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống và không còn chung sống cùng nhau. Ông S cho rằng cuộc sống vợ chồng bình thường nhưng thừa nhận hiện nay bà H đã bỏ nhà ra đi. Mặc dù ông S không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hiện nay ông về nhà cha mẹ ruột sinh sống và không đến làm việc, không tham gia phiên hòa giải theo sự triệu tập của Tòa án. Bà H kiên quyết ly hôn, không đồng ý quay về đoàn tụ cùng ông S, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Mỹ H đối với ông Lâm Quang S.

[3] Về con chung: Hiện tại cháu V đang sống cùng ông S, cháu V chưa đủ 07 tuổi. Cả bà H và ông S cùng thống nhất tiếp tục giao cháu V cho ông S nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Đối với cháu N, cháu đang sống cùng mẹ và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Ông S cũng không tranh chấp quyền nuôi con đối với cháu N. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc nuôi dưỡng cháu N. Đều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu và nhằm ổn định môi trường sống cho các cháu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung và tài sản chung. Ông S cũng không có ý kiến về lời trình bày này và cũng không tranh chấp. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Mỹ H đối với ông Lâm Quang S.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Thị Thu N, sinh ngày 28/5/2008 cho bà Mai Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lâm Thế V, sinh ngày 19/8/2019 cho ông Lâm Quang S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S và bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, nợ chung và tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Mai Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004489 ngày 23/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được chuyển thu án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự**;**
- TANDTPCT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện TL;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

Đỗ Ngọc Diễm